

# CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 31

612  
CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
FIDITOUR  
TP. HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Hồ Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Nhã	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Lâm Hải Đào	Ủy viên
Ông Đinh Lê Chiến	Ủy viên
Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Số: 18.141/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2018 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Fiditour tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018



**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2822-2016-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.420.002.927</b>	<b>92.340.662.020</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>41.116.738.139</b>	<b>19.968.466.274</b>
1. Tiền	111		27.060.738.139	19.968.466.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.056.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.903.089.312</b>	<b>48.538.122.669</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	26.773.040.134	24.360.999.981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	14.378.154.823	17.624.737.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	9.751.894.355	6.552.384.867
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>34.187.221.531</b>	<b>22.033.767.676</b>
1. Hàng tồn kho	141		34.187.221.531	22.033.767.676
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.212.953.945</b>	<b>1.800.305.401</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.499.873.744	995.023.910
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.914.638	3.171.980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	692.165.563	802.109.511
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.877.004.499</b>	<b>26.287.300.906</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>625.824.400</b>	<b>625.824.400</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	625.824.400	625.824.400
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.534.495.765</b>	<b>10.909.864.441</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	9.482.534.925	10.830.793.597
Nguyên giá	222		46.675.710.613	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.193.175.688)	(35.844.917.016)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	51.960.840	79.070.844
Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(263.971.736)	(236.861.732)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.8	<b>10.481.340.586</b>	<b>10.481.340.586</b>
Nguyên giá	231		10.481.340.586	10.481.340.586
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.9	<b>342.000.000</b>	<b>3.380.780.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		600.000.000	3.638.780.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(258.000.000)	(258.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>893.343.748</b>	<b>889.491.479</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		893.343.748	889.491.479
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>150.297.007.426</b>	<b>118.627.962.926</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.082.226.173</b>	<b>86.067.065.818</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.664.318.907</b>	<b>78.545.806.451</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	4.706.241.244	4.434.319.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	36.191.021.552	27.073.972.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	-	197.677.909
4. Phải trả người lao động	314		2.009.734.603	903.492.427
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.935.110.268	2.471.741.335
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.13	18.850.115.337	21.124.847.412
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.442.856.759	1.089.263.478
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	3.455.108.764	20.635.907.326
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		74.130.380	614.583.780
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.417.907.266</b>	<b>7.521.259.367</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	40.417.907.266	1.568.630.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	-	5.952.628.701
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.214.781.253</b>	<b>32.560.897.108</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>36.214.781.253</b>	<b>32.560.897.108</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.619.350.826	5.619.350.826
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.430.427	(3.603.453.718)
LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.604.866.218)	(7.854.143.732)
LNST năm nay	421b		3.655.296.645	4.250.690.014
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>150.297.007.426</b>	<b>118.627.962.926</b>



Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh,  
ngày 23 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	521.904.085.983	446.866.137.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	306.031.816	470.056.161
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		521.598.054.167	446.396.081.289
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	480.969.027.817	407.845.969.419
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.629.026.350	38.550.111.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.051.351.310	571.327.893
7. Chi phí tài chính	22		1.797.526.852	2.411.451.540
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.085.254.245	2.273.536.586
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	9.482.023.885	9.338.714.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	23.701.916.613	22.720.793.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.698.910.310	4.650.480.454
11. Thu nhập khác	31		449.722.974	139.202.481
12. Chi phí khác	32		151.078.043	38.992.921
13. Lợi nhuận khác	40		298.644.931	100.209.560
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.997.555.241	4.750.690.014
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	315.058.596	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.682.496.645	4.750.690.014
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.15.4	2.900	1.392



Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh,  
ngày 23 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03a – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		8.997.555.241	4.750.690.014
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.375.368.677	2.275.572.340
Các khoản dự phòng	03		-	(132.040.462)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.853.603.810)	(300.625.695)
Chi phí lãi vay	06		1.085.254.245	2.273.536.586
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>8.604.574.353</b>	<b>8.867.132.783</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.272.765.353)	(5.211.269.079)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.153.453.855)	(6.157.881.131)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		51.232.569.922	9.750.656.628
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(508.702.103)	908.531.693
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.085.254.245)	(2.162.456.586)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(540.453.400)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>43.276.515.318</b>	<b>5.994.714.308</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.629.349.250	88.023.136
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		263.034.560	438.253.421
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.892.383.810</b>	<b>526.276.557</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		30.150.958.069	63.564.751.099
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(53.284.385.332)	(66.432.786.094)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(4.887.200.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.020.627.263)</b>	<b>(2.868.034.995)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>21.148.271.865</b>	<b>3.652.955.870</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.968.466.274	16.315.510.404
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	4.1	<b>41.116.738.139</b>	<b>19.968.466.274</b>



Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh,  
ngày 23 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 329 (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là: 338).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;
- Điều hành tour du lịch, vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour	127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ	59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung	54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia	12D Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định	50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội	43A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng	47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.4. Đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

**3.5. Các khoản phải thu****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính**

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

**3.6. Hàng tồn kho****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định bao gồm các chi phí về nhân công, vật liệu, dịch vụ thuê ngoài... liên quan đến dịch vụ mà Công ty cung cấp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 11 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

**Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

**Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu của dịch vụ tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa thể xác định một cách đáng tin cậy để ghi nhận giá vốn tương ứng. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được tính, xác định và kết chuyển vào doanh thu trong năm khi chi phí của các tour du lịch tương ứng đã được xác định một cách đáng tin cậy.

**3.13. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm xe...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.17. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	4.367.090.587	3.452.305.598
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.693.647.552	16.516.160.676
Các khoản tương đương tiền	14.056.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.116.738.139</b>	<b>19.968.466.274</b>

## 4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	6.827.376.227	1.241.455.386
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	16.557.166.364	15.782.541.499
Phải thu từ hoạt động khác	3.388.497.543	7.337.003.096
<b>Cộng</b>	<b>26.773.040.134</b>	<b>24.360.999.981</b>

## 4.3. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	1.692.739.154	5.453.787.112
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	11.616.096.372	10.519.670.267
Trả trước cho hoạt động khác	1.069.319.297	1.651.280.442
<b>Cộng</b>	<b>14.378.154.823</b>	<b>17.624.737.821</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	8.871.743.098	-	5.616.322.013	-
Phải thu BHXH	736.833.544	-	693.777.744	-
Phải thu khác	143.317.713	-	242.285.110	-
<b>Cộng</b>	<b>9.751.894.355</b>	<b>-</b>	<b>6.552.384.867</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký quỹ	625.824.400	-	625.824.400	-

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	254.270	-	254.270	-
Công cụ, dụng cụ	423.187.491	-	423.187.491	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.763.779.770	-	21.602.464.159	-
Hàng hóa	-	-	7.861.756	-
<b>Cộng</b>	<b>34.187.221.531</b>	<b>-</b>	<b>22.033.767.676</b>	<b>-</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>29.705.558.229</b>	<b>4.497.687.950</b>	<b>9.853.977.918</b>	<b>2.618.486.516</b>	<b>46.675.710.613</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	27.129.742.537	3.596.082.991	2.956.975.544	2.162.115.944	35.844.917.016
Khấu hao trong năm	324.256.108	29.117.767	919.783.981	75.100.816	1.348.258.672
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>27.453.998.645</b>	<b>3.625.200.758</b>	<b>3.876.759.525</b>	<b>2.237.216.760</b>	<b>37.193.175.688</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	2.575.815.692	901.604.959	6.897.002.374	456.370.572	10.830.793.597
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.251.559.584</b>	<b>872.487.192</b>	<b>5.977.218.393</b>	<b>381.269.756</b>	<b>9.482.534.925</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.748.492.197 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Tài sản vô hình**

	<b>Phần mềm VND</b>
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2017	315.932.576
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>315.932.576</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2017	236.861.732
Khấu hao trong năm	27.110.004
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>263.971.736</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2017	79.070.844
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>51.960.840</b>

**4.8. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm 2015 với mục đích đầu tư chờ tăng giá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, đã thu thập đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ. Do đó, không có tổn thất do giảm giá trị đối với bất động sản đầu tư được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cộng ty Cổ phần du lịch Bình Châu	-	-	3.038.780.000	-
Cộng ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	-	200.000.000	-
Cộng ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC	400.000.000	(258.000.000)	400.000.000	(258.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000</b>	<b>(258.000.000)</b>	<b>3.638.780.000</b>	<b>(258.000.000)</b>

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu 200.000.000 VND tương đương 6,1% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC 400.000.000 VND tương đương 0,15% vốn điều lệ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu và Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Toàn bộ phải trả người bán ngắn hạn có số dư phải trả mỗi người bán dưới 10% tổng số phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và có khả năng trả nợ 100%.

**4.11. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	29.289.202.663	25.680.600.808
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	1.080.486.185	393.095.439
Trả trước cho hoạt động khác	5.821.332.704	1.000.276.633
<b>Cộng</b>	<b>36.191.021.552</b>	<b>27.073.972.880</b>

**4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	59.868.094	31.040.564.238	(31.100.432.332)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	315.058.596	(315.058.596)	-
Thuế thu nhập cá nhân	137.809.815	1.963.354.794	(2.101.164.609)	-
<b>Cộng</b>	<b>197.677.909</b>	<b>33.318.977.628</b>	<b>(33.516.655.537)</b>	<b>-</b>
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	-	171.574.361	-	171.574.361
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.989.999	-	-	37.989.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.092.849	1.412.500	(316.471.096)	385.034.253
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.540.287	-	33.540.287
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.605.450.975	(1.605.450.975)	-
Thuế môn bài	63.026.663	1.000.000	(1.000.000)	63.026.663
Các khoản phí, lệ phí	1.000.000	-	-	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>802.109.511</b>	<b>1.812.978.123</b>	<b>(1.922.922.071)</b>	<b>692.165.563</b>

**4.13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	18.679.232.758	20.953.964.833
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	115.719.574	115.719.574
Hoạt động khác	55.163.005	55.163.005
<b>Cộng</b>	<b>18.850.115.337</b>	<b>21.124.847.412</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	-	-	23.248.298.590	39.780.617.241	16.532.318.651	16.532.318.651
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.155.108.764	3.155.108.764	6.902.659.479	7.551.139.390	3.803.588.675	3.803.588.675
Công đoàn Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1, TP. HCM	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.455.108.764</b>	<b>3.455.108.764</b>	<b>30.150.958.069</b>	<b>47.331.756.631</b>	<b>20.635.907.326</b>	<b>20.635.907.326</b>
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	-	-	-	5.952.628.701	5.952.628.701	5.952.628.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.455.108.764</b>	<b>3.455.108.764</b>	<b>30.150.958.069</b>	<b>53.284.385.332</b>	<b>5.952.628.701</b>	<b>5.952.628.701</b>
					<b>26.588.536.027</b>	<b>26.588.536.027</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 3 tháng với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

Vay ngắn hạn Công đoàn Viện kiểm sát có thời hạn 1 năm với lãi suất 12%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.15. Phải trả dài hạn khác**

Trong năm, Công ty đã nhận tiền đặt cọc để đảm bảo việc góp vốn và chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào pháp nhân mới bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại Khách sạn Tân Định sạt 50A Đặng Dung, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Khách sạn Đặng Dung địa chỉ 54 Đặng Dung, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Khách sạn Hoàng Gia địa chỉ 12D Cách Mạng Tháng 8, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản này được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Khách sạn Hoàng Gia	12.102.125.000	-
Khách sạn Đặng Dung	12.705.000.000	-
Khách sạn Tân Định	13.860.000.000	-
Các khoản phải trả khác	1.750.782.266	1.568.630.666
<b>Cộng</b>	<b>40.417.907.266</b>	<b>1.568.630.666</b>

(Xem tiếp trang sau)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.16. Vốn chủ sở hữu

## 4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2016	30.545.000.000	6.471.833.326	(7.854.143.732)		29.162.689.594
Lỗ trong năm trước	-	-	4.750.690.014		4.750.690.014
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(500.000.000)		(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(852.482.500)	-		(852.482.500)
Tại ngày 01/01/2017	30.545.000.000	5.619.350.826	(3.603.453.718)		32.560.897.108
Lãi trong năm nay	-	-	8.682.496.645		8.682.496.645
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(140.000.000)		(140.000.000)
Tạm chia cổ tức 2017	-	-	(4.887.200.000)		(4.887.200.000)
Giảm khác	-	-	(1.412.500)		(1.412.500)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>30.545.000.000</b>	<b>5.619.350.826</b>	<b>50.430.427</b>		<b>36.214.781.253</b>

(Xem tiếp trang sau)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.545.000.000</b>	<b>30.545.000.000</b>

## 4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

## 4.16.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	8.997.555.241	4.750.690.014
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(140.000.000)	(500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.857.555.241	4.250.690.014
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.054.500	3.054.500
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.900</b>	<b>1.392</b>

## 4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
USD	25.009,06	16.670

(Xem tiếp trang sau)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	422.565.924.727	344.932.354.618
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	65.294.517.594	68.863.959.528
Doanh thu tour F&E	11.196.588.728	8.168.547.496
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	2.832.799.709	6.680.716.346
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	38.903.292	135.166.722
Doanh thu cho thuê mặt bằng	9.470.750.413	9.314.844.937
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	9.260.003.408	7.348.267.301
Doanh thu hoạt động khác	1.244.598.112	1.422.280.502
<b>Cộng</b>	<b>521.904.085.983</b>	<b>446.866.137.450</b>

## 5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.

## 5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	393.721.904.713	326.905.997.316
Giá vốn của bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	60.322.192.094	61.373.324.449
Giá vốn tour F&E	9.796.692.587	7.255.942.255
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	1.802.614.625	3.261.245.861
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	-	88.483.071
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	2.310.532.182	2.276.017.011
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	7.113.681.639	5.590.712.304
Giá vốn của hoạt động khác	739.022.268	818.029.411
Giá vốn kinh doanh chung	5.162.387.708	276.217.741
<b>Cộng</b>	<b>480.969.027.817</b>	<b>407.845.969.419</b>

## 5.4. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí giới thiệu, quảng cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.852.046.189	17.194.793.994
Chi phí vật liệu quản lý	450.193.020	186.486.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	503.395.323	1.350.812.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.247.030.425	1.280.154.444
Chi phí bằng tiền khác	5.649.251.656	2.708.546.447
<b>Cộng</b>	<b>23.701.916.613</b>	<b>22.720.793.619</b>

## 5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.997.555.241	4.750.690.014
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	329.642.643	38.992.921
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(196.999.300)	(232.364.700)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(7.554.905.605)	(4.557.318.235)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.575.292.979	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	315.058.596	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>315.058.596</b>	<b>-</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

## 5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.738.169.164	2.656.907.829
Chi phí nhân công	49.363.429.544	45.769.129.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.375.368.676	2.275.572.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	446.398.849.435	378.541.579.487
Chi phí khác bằng tiền	14.277.151.495	10.662.288.253
<b>Cộng</b>	<b>514.152.968.315</b>	<b>439.905.477.188</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Dịch vụ hướng dẫn du lịch		Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không		Dịch vụ nhà hàng, khách sạn		Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng công	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	ĐVT: triệu đồng													
<b>Doanh thu</b>														
Từ khách hàng bên ngoài	433.763	353.101	64.988	68.394	2.872	6.816	9.260	7.348	10.715	10.737	-	-	521.598	446.396
Giữa các bộ phận	20.857	16.481	94.256	78.494	-	-	16.440	13.276	-	-	(131.553)	(108.252)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>454.620</b>	<b>369.582</b>	<b>159.244</b>	<b>146.888</b>	<b>2.872</b>	<b>6.816</b>	<b>25.700</b>	<b>20.625</b>	<b>10.715</b>	<b>10.737</b>	<b>(131.553)</b>	<b>(108.252)</b>	<b>521.598</b>	<b>446.396</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>														
Kết quả của bộ phận	30.244	18.939	4.666	7.021	1.069	3.466	2.146	1.758	7.666	7.643			45.791	38.826
Chi phí không phân bổ													38.346	32.336
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính													7.445	6.491
Thu nhập tài chính													3.051	571
Chi phí tài chính													1.798	2.411
Thu nhập khác													299	100
Lợi nhuận trước thuế													8.998	4.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp													315	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>													<b>8.682</b>	<b>4.751</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>		ĐVT: triệu đồng
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	
Tài sản của bộ phận	47.046	32.321	21.979	19.361	81.272	66.946	-	-	150.297	118.628	-
Tài sản không phân bổ											
<b>Tổng tài sản</b>									<b>150.297</b>	<b>118.628</b>	

Dịch vụ hướng dẫn du lịch

	<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Nợ phải trả của bộ phận	20.891	21.904	36.611	32.726	55.572	31.437	-	-
Nợ phải trả không phân bổ							113.075	86.067
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>113.075</b>	<b>86.067</b>

**Tổng nợ phải trả**Dịch vụ hướng dẫn du lịch

	<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí khấu hao	1.143	1.798	172	351	60	127	-	-
							1.375	2.276

**CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR**

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	Thành phố Hồ Chí Minh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Cần Thơ		Thành phố Đà Nẵng		Loại trừ		ĐVT: triệu đồng
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	
<b>Doanh thu</b>											
Từ khách hàng bên ngoài	463.064	393.375	25.380	24.812	28.499	24.135	4.654	4.074	-	-	521.598
Giữa các bộ phận	122.861	100.662	2.578	3.034	1.638	2.433	4.475	2.122	(131.553)	(108.252)	446.396
<b>Cộng</b>	<b>585.926</b>	<b>494.035</b>	<b>27.959</b>	<b>27.846</b>	<b>30.138</b>	<b>26.568</b>	<b>9.129</b>	<b>6.196</b>	<b>(131.553)</b>	<b>(108.252)</b>	<b>521.598</b>
											<b>446.396</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập Tổng Giám đốc	311.568.000	238.032.200
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.567.521.200	1.301.779.360

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**9. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**

Công ty là bị đơn và nguyên đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10 năm 2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện chưa thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



Nguyễn Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh,

ngày 23 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Hoàng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi  
Người lập